

Số: 433/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 05 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về việc ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực hoạt động kinh tế tài nguyên và môi trường sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ 10**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ Quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Xét Tờ trình số 261/TTr-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2024, Báo cáo số 631/BC-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2024 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 961/BC-KTNS ngày 02 tháng 12 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh và thảo luận của đại biểu HĐND tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực hoạt động kinh tế tài nguyên và môi trường sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La (Có phụ lục kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

- UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.
- Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

- Nghị quyết này thay thế nội dung quy định tại phần VI và mục C phần VIII Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 78/NQ- HĐND ngày 16/3/2022 của HĐND tỉnh Sơn La về việc ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La.

2. Các nhiệm vụ, dự án thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp lĩnh vực hoạt động kinh tế tài nguyên và môi trường đã phê duyệt trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo quyết định đã được phê duyệt.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La khoá XV, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 05 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- VP Chủ tịch nước, VP Quốc hội, VP Chính phủ;
- Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội;
- Ban công tác đại biểu của UBTWQH;
- Các Bộ: Tài nguyên và Môi trường; Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT Huyện ủy, Thành ủy; HĐND; UBND, UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Trung tâm: Công báo tỉnh; Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thái Hưng



Phụ lục

Danh mục dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực tài nguyên và môi trường sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La

(Kèm theo Nghị quyết số 433/NQ-HĐND ngày 05/12/2024 của HĐND tỉnh Sơn La)

STT	Tên Dịch vụ	Ghi chú
I	Lĩnh vực sự nghiệp bảo vệ môi trường	
1	Dịch vụ Môi trường	
1.1	Quản lý chất thải, kiểm soát ô nhiễm môi trường tỉnh có tính chất chi thường xuyên thuộc trách nhiệm của cơ quan Tài nguyên và Môi trường theo quy định của Luật bảo vệ môi trường, Luật Đa dạng sinh học.	
1.2	Quan trắc môi trường tỉnh.	
1.3	Quan trắc và phân tích các thành phần môi trường (<i>không khí xung quanh, nước mặt lục địa, trầm tích đáy, đất, nước dưới đất và nước mưa axit, chất thải...</i>) phục vụ các đoàn thanh tra, kiểm tra, giải quyết đơn thư, kiến nghị phản ánh, vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, liên quan đến xử lý các sự cố môi trường.	
1.4	Thống kê môi trường tỉnh.	
1.5	Lập báo cáo tổng quan về hiện trạng môi trường tỉnh.	
1.6	Lập báo cáo chuyên đề về hiện trạng môi trường theo yêu cầu (nếu có).	
1.7	Quản lý vận hành hệ thống quan trắc tự động, liên tục.	
1.8	Quản lý, vận hành hệ thống giám sát dữ liệu quan trắc tự động, liên tục.	
1.9	Giám sát, kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm các hoạt động trong lĩnh vực sự nghiệp bảo vệ môi trường.	
1.10	Xác định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn tỉnh Sơn La đã được xác định trong quy hoạch tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.	
1.11	Đánh giá chất lượng môi trường nước mặt, trầm tích, đánh giá khả năng chịu tải, hạn ngạch xả nước thải đối với nguồn nước mặt tại các sông, hồ nội tỉnh và nguồn nước mặt khác trên địa bàn có vai trò quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường.	
1.12	Dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt.	
2	Dịch vụ bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	
2.1	Lập, điều tra, lập danh mục, đánh giá khả năng xâm nhập để có biện pháp phòng ngừa, kiểm soát loài ngoại lai xâm hại.	
2.2	Điều tra, thống kê, kiểm kê đánh giá và lập báo cáo hiện trạng về đa dạng sinh học; Xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình bảo tồn loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ.	

STT	Tên Dịch vụ	Ghi chú
2.3	Quan trắc, thống kê, quản lý thông tin, dữ liệu về đa dạng sinh học và xây dựng cơ sở dữ liệu về đa dạng sinh học.	
2.4	Xây dựng và thử nghiệm mô hình bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học.	
II Hoạt động kinh tế tài nguyên và môi trường		
1 Dịch vụ lĩnh vực quản lý đất đai		
1.1	Lập, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất các cấp; lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện	
1.2	Thống kê, kiểm kê đất đai và thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất	
1.3	Điều tra, đánh giá đất đai và bảo vệ cải tạo phục hồi đất	
1.4	Xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể	
1.5	Lập hồ sơ địa chính, đăng ký đất đai, lập hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	
1.6	Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý đất đai	
1.7	Lập phương án sử dụng đất nông, lâm trường đối với phần đất bàn giao về địa phương	
1.8	Quản lý, vận hành bảo trì cơ sở dữ liệu Đất đai	
1.9	Khảo sát, lập thiết kế kỹ thuật - dự toán các hoạt động trong lĩnh vực đất đai	
1.11	Giám sát, kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm của các hoạt động trong lĩnh vực đất đai	
2 Dịch vụ đo đạc bản đồ và viễn thám		
2.1	Đo đạc lập, chỉnh lý, quản lý bản đồ địa chính ở địa phương	
2.2	Thu thập, cập nhật, sử dụng thông tin, dữ liệu ảnh viễn thám thuộc phạm vi quản lý của địa phương	
2.3	Xây dựng, cập nhật, vận hành cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia thuộc phạm vi của tỉnh	
2.4	Thành lập, cập nhật bản đồ địa hình tỷ lệ 1:2.000 và 1:5.000 đối với phần đất liền thuộc phạm vi quản lý của tỉnh	
2.5	Xây dựng, cập nhật, công bố siêu dữ liệu viễn thám	
2.6	Đo đạc, thành lập bản đồ phục vụ lập hồ sơ địa giới hành chính các cấp	
2.7	Đo đạc, thành lập bản đồ công trình ngầm	
2.8	Xây dựng, vận hành, cập nhật và quản lý hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia và cơ sở dữ liệu đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh	
2.9	Xây dựng bản đồ về phòng, chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn, khắc phục sự cố môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu	
2.10	Thành lập tập bản đồ của địa phương, khu vực và ngành; đo đạc, thành lập các loại bản đồ chuyên ngành khác phục vụ quản lý nhà nước	
2.11	Khảo sát, lập thiết kế kỹ thuật - dự toán các hoạt động trong lĩnh vực Đo đạc bản đồ và viễn thám	

STT	Tên Dịch vụ	Ghi chú
2.12	Giám sát, kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm các hoạt động trong lĩnh vực đo đạc bản đồ và viễn thám	
3	Dịch vụ lĩnh vực tài nguyên nước	
3.1	Lập, tổ chức thực hiện phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra trong quy hoạch tỉnh	
3.2	Quản lý, vận hành và duy trì Hệ thống giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước	
3.3	Tổ chức thực hiện việc khoanh định, công bố, điều chỉnh danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất	
3.4	Kiểm kê tài nguyên nước	
3.5	Tổ chức lập, công bố, điều chỉnh danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước; phê duyệt, điều chỉnh phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước, kế hoạch, phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước	
3.6	Xác định, công bố chức năng đối với nguồn nước mặt nội tỉnh	
3.7	Xác định, điều chỉnh vị trí, giá trị dòng chảy tối thiểu trên sông, suối nội tỉnh	
3.8	Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch bảo vệ nước dưới đất	
3.9	Điều tra, đánh giá tài nguyên nước mặt nội tỉnh	
3.10	Điều tra, đánh giá tài nguyên nước dưới đất nội tỉnh	
3.11	Điều tra, đánh giá hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước đối với nguồn nước nội tỉnh	
3.12	Điều tra, xác định danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp	
3.13	Lập kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước phù hợp với kịch bản nguồn nước	
3.14	Thực hiện các biện pháp điều hoà, phân phối tài nguyên nước khi xảy ra hạn hán, thiếu nước	
3.15	Lập danh mục các đập, hồ chứa trên sông, suối thuộc địa bàn quản lý phải xây dựng quy chế phối hợp; xây dựng quy chế phối hợp vận hành giữa các đập, hồ chứa trên sông, suối	
3.16	Tổ chức xây dựng, vận hành mạng quan trắc tài nguyên nước đối với các nguồn nước nội tỉnh	
4	Dịch vụ lĩnh vực địa chất và khoáng sản	
4.1	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp pháp của UBND tỉnh	
4.2	Khoanh định khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh	
5	Dịch vụ lĩnh vực Khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu	
5.1	Lập kế hoạch phát triển mạng lưới trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng địa phương; điều tra, khảo sát, quan trắc và dự báo, cảnh báo về khí tượng thủy văn	

STT	Tên Dịch vụ	Ghi chú
5.2	Xây dựng cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn trên địa bàn tỉnh; khai thác, sử dụng thông tin dữ liệu khí tượng thủy văn	
5.3	Xây dựng mực nước tương ứng với các cấp báo động lũ tại các vị trí thuộc địa bàn tỉnh quản lý	
5.4	Đánh giá khí hậu tỉnh Sơn La	
5.5	Xây dựng Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh	
6	Dịch vụ khác	
6.1	Thu thập, cập nhật, chỉnh lý, bảo quản, lưu trữ, công bố, cung cấp và sử dụng thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường	
6.2	Thông tin, tuyên truyền về tài nguyên và môi trường	
6.3	Đào tạo, chuyển giao công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường	
6.4	Duy trì, vận hành hệ thống thông tin ngành tài nguyên và môi trường	✓